

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT  
THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI  
CHI NHÁNH LONG THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 658 /TTPTQĐ.CNLT-BT.N3

Long Thành, ngày 16 tháng 6 năm 2026

Về việc niêm yết công khai Phương án bồi thường dự kiến thuộc dự án Nâng cấp mở rộng tuyến đường ĐT.769 tại huyện Thống Nhất và huyện Long Thành đoạn qua phường Long Thành (đợt 4).

Kính gửi: UBND phường Long Thành.

Căn cứ điểm 1, khoản 3, Điều 87 Luật Đất đai năm 2024;

Căn cứ điểm b, khoản 9, Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc Hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, giữa Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh, Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh/khu vực với cơ quan chức năng quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Văn bản số 1757/UBND-KTNS ngày 02 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc thực hiện trình tự thực hiện công tác phối hợp về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 06/4/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền cho ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện một số nhiệm vụ quản lý quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Ngày 15/6/2026, Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh Long Thành lập Phương án dự kiến về bồi thường, hỗ trợ của các hộ dân để thực hiện dự án dự án Nâng cấp mở rộng tuyến đường 769 tại huyện Thống Nhất và huyện Long Thành đoạn qua phường Long Thành (đợt 4).

*(Đính kèm Phương án dự kiến về bồi thường, hỗ trợ).*

Nay Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh Long Thành đề nghị UBND phường Long Thành niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại trụ sở UBND phường Long Thành, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi, đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của UBND phường

Long Thành trong thời hạn 10 ngày theo quy định tại điểm b, khoản 9, Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Chính phủ.

Đề nghị UBND phường Long Thành quan tâm, sớm hỗ trợ thực hiện nội dung trên theo quy định./

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Phòng KT,HT&ĐT phường Long Thành;
- Ban Giám đốc TTPTQĐ.CNLT;
- Tổ Bồi thường (đ/c Nhật, Sơn,);
- Nhóm 03 (đ/c Triều, Thế Anh);
- Lưu: VT (Uyên, Nga).

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Mai Ngọc Thắng**

Số: /PA-BT.N3

Long Thành, ngày 15 tháng 6 năm 2026

## PHƯƠNG ÁN DỰ KIẾN

Về bồi thường, hỗ trợ của các hộ dân để thực hiện dự án Nâng cấp mở rộng tuyến đường 769 tại huyện Thống Nhất và huyện Long Thành đoạn qua phường Long Thành (đợt 4)

### I. Căn cứ pháp lý:

Căn cứ Luật đất đai 2024 ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị quyết 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của Chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn Nghị quyết 254/2025/QH15 tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Văn bản số 1757/UBND-KTNS ngày 02 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc thực hiện trình tự thực hiện công tác phối hợp về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định số 5366/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai Quy định về tiêu chí xác định khu vực, vị trí đất trong Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của



Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định Bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 10/2/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai Quy định mức chi đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh, Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh/khu vực với cơ quan có chức năng quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 2/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 66/2026/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính tiền bồi thường khi thu hồi đất; bán nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 06/4/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện một số nhiệm vụ quản lý Nhà nước trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 5356/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc triển khai Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai đối với dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng Nâng cấp mở rộng đường ĐT.769, huyện Thống Nhất và Long Thành;

Căn cứ Quyết định số 3341/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.769, huyện Thống Nhất và huyện Long Thành;

Căn cứ Quyết định số 212/QĐ-UBND ngày 20/10/2025 của Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh Đồng Nai về việc giao nhiệm vụ, triển khai dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án giải phóng mặt bằng mở rộng DT.769;

Căn cứ Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 28/01/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng Dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng nâng cấp, mở rộng tuyến đường DT.769, huyện Thống Nhất và huyện Long Thành đoạn qua xã Long Thành;

Căn cứ các Thông báo thu hồi đất ngày 14/3/2026 của UBND xã Long Thành về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến đường DT.769 tại huyện Thống Nhất và huyện Long Thành đoạn qua phường Long Thành;

Căn cứ vào danh sách xác định vị trí các thửa đất số 40, 41/VPĐK.LT-TTTLT ngày 28/02/2026; số 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48, 49, 50, 51, 52, 53/VPĐK.LT-TTTLT ngày 05/3/2026 của Văn phòng Đăng ký Đất đai chi nhánh Long Thành;

Căn cứ Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày 11/5/2026 của UBND thành phố Đồng Nai quy định hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn thành phố Đồng Nai năm 2026;

Căn cứ Văn bản số 1201/SNNMT-DD ngày 20/5/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc triển khai Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày 11/5/2026 của UBND thành phố Đồng Nai;

Căn cứ Văn bản số 2023/SNNMT-DD ngày 29/5/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc xác định giá đất nông nghiệp theo Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND và Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND;

Căn cứ Khoản 4, Điều 3, Nghị định số 88/2024/NĐCP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Theo đó “Cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền lập, thẩm định, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chịu trách nhiệm thực hiện đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật, không chịu trách nhiệm về những nội dung trong các văn bản, giấy tờ có trong hồ sơ đã được cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền khác chấp thuận, quyết định hoặc giải quyết trước đó”. Căn cứ nội dung trên Ủy ban nhân dân phường Long Thành chịu trách nhiệm các nội dung xác nhận tại các mẫu số 2,3,4 kèm theo Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ theo Khoản 3, Điều 87, Luật đất đai năm 2024. Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh Long Thành lập phương án bồi thường, hỗ trợ dự án Nâng cấp mở rộng tuyến đường DT.769 tại huyện Thống Nhất và huyện Long Thành đoạn qua phường Long Thành về việc tổ chức lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cụ thể như sau:



## **II/. Nội dung phương án bồi thường, hỗ trợ:**

### **1. Bồi thường đất:**

Căn cứ Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Quy định về tiêu chí xác định khu vực, vị trí đất trong Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định Bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày 11/5/2026 của UBND thành phố Đồng Nai quy định hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn thành phố Đồng Nai năm 2026;

Căn cứ Văn bản số 1201/SNNMT-ĐĐ ngày 20/5/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc triển khai Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày 11/5/2026 của UBND thành phố Đồng Nai;

Căn cứ Văn bản số 2023/SNNMT-ĐĐ ngày 29/5/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc xác định giá đất nông nghiệp theo Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND và Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND;

Loại đất, vị trí đất để bồi thường, hỗ trợ: Căn cứ vào nội dung xác nhận của UBND phường Long Thành về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất diện tích loại đất; thông tin về đất, vị trí thửa đất, phiếu cung cấp thông tin, danh sách các thửa đất được xác định vị trí của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Long Thành (*UBND phường Long Thành chịu trách nhiệm về nội dung xác nhận về nguồn gốc đất theo quy định*);

### **2. Bồi thường, hỗ trợ nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc và tài sản khác:**

Căn cứ nội dung xác nhận của UBND phường Long Thành về nguồn gốc thời điểm xây dựng Nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc và tài sản khác. UBND phường Long Thành chịu trách nhiệm về thời điểm xây dựng đối với nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc và tài sản khác.

Đơn giá bồi thường, hỗ trợ: Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025; Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

### **3. Bồi thường, hỗ trợ cây trồng:**

Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025; Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Số tiền bồi thường thiệt hại về cây trồng được tính bằng số lượng cây trồng thực tế theo kết quả kiểm đếm nhân với đơn giá bồi thường tương ứng tại các phụ lục kèm theo các Quyết định này.

Đối với cây lâm nghiệp, cây hằng năm và những trường hợp cây lâu năm đơn lẻ thì Trung tâm thực hiện áp giá bồi thường, hỗ trợ. Đối với trường hợp cây lâu năm chưa có Biên bản họp thống nhất về năm tuổi, năm thu hoạch của Hội đồng bồi thường phường Long Thành, Trung tâm tạm thời chưa áp giá. Sau khi Hội đồng bồi thường xã thống nhất về năm tuổi, năm thu hoạch, Trung tâm sẽ thực hiện áp giá bổ sung.

#### 4. Thưởng di dời:

Thưởng đối với người có đất thu hồi bàn giao mặt bằng trước thời gian quy định: Căn cứ Điều 15, Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

#### 5. Các chính sách hỗ trợ:

Đối với 21 trường hợp tại phương án này, UBND phường Long Thành xác nhận hộ gia đình, cá nhân không đủ điều kiện được hỗ trợ theo các nội dung tại Mẫu số 04. Do đó, Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh Long Thành không tính toán các chính sách hỗ trợ theo quy định.

#### 6. Nghĩa vụ tài chính:

Thực hiện trình tự thủ tục quy định tại Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh Long Thành chuyển danh sách đến Thuế cơ sở 5 Đồng Nai xác định nghĩa vụ tài chính theo quy định.

### III. Phương án bồi thường, hỗ trợ:

- Tổng số trường hợp thu hồi: **21 trường hợp/26 thửa đất/6.136,0 m<sup>2</sup>**, cụ thể như sau:

+ Đất nông nghiệp: **6.038,3 m<sup>2</sup>**.

+ Đất ở: **97,7 m<sup>2</sup>**.

- **Tổng giá trị phương án bồi thường, hỗ trợ: 17.442.741.444 đồng.**

*Trong đó:*

- Bồi thường đất: 7.660.677.250 đồng.

- Bồi thường, hỗ trợ nhà, vật kiến trúc: 8.769.167.448 đồng.

- Bồi thường cây trồng: 35.045.586 đồng.

- Thưởng di dời: 388.000.000 đồng.

- Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường (3,5%): 589.851.160 đồng.

(Đính kèm bảng tổng hợp)

Trên đây là phương án dự kiến về bồi thường, hỗ trợ thuộc dự án Nâng cấp mở rộng tuyến đường ĐT.769 tại huyện Thống Nhất và huyện Long Thành đoạn qua phường Long Thành (đợt 4).

**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CỦA CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN (ĐỢT 4)**

Thuộc dự án: Nâng cấp mở rộng tuyến đường 769 đoạn qua phường Long Thành

(Danh sách kèm theo Phương án số ...../PA-TTPTQĐ.CNLT-BT.N3 ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh Long Thành)

STT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Diện tích đất bồi thường (m <sup>2</sup> )			Đất công	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất nhà, vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về tài sản khác	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thưởng đi đời	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
			Tổng	Đất ở tại đô thị	Nông nghiệp							
1	Lê Thị Lan (chết) - Lê Bạch Phương do bà Lê Thị Thu Trang làm đại diện; bà Lê Thị Bạch Tuyết; ông Lê Thanh Bình; bà Nguyễn Thị Ngọc Bích; bà Lê Thị Bích Huyền; Lê Thị Bích Trâm - Lê Nguyễn Dũng Tuấn, Lê Nguyễn Dũng Tú (cùng được hưởng di sản của ông Lê Văn Dũng được hưởng từ bà Lê Thị Lan và ông Lê Văn Đệ); bà Nguyễn Thị Thu Thủy; ông Lê Minh Nhật; bà Lê Thị Mộng Tuyền (cùng được hưởng di sản của ông Lê Văn Giàu được hưởng từ bà Lê Thị Lan và ông Lê Văn Đệ); bà Lê Thị Trang; bà Lê Thị Hải Châu; bà Lê Nguyễn Minh Thư (được hưởng di sản của ông Lê Văn Mạnh được hưởng từ bà Lê Thị Lan và ông Lê Văn Đệ); ông Lê Văn Sang; bà Lê Thị Huệ đồng thừa kế	716,0	-	716,0	716,0	716,0	370.387.894	2864000		20.000.000	1.151.137.894	



STT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Diện tích đất bồi thường (m <sup>2</sup> )						Đất công	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về tài sản khác	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thương đi đời	Tổng công giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
			Phi nông nghiệp			Nông nghiệp											
			Tổng	Tổng	Đất ở tại đô thị	Tổng	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây hàng năm									
2	Nguyễn Thành Tiến	tổ 27, khu phố Phước Hải, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	433,1	-	-	433,1	433,1		458.436.350	569.157.602	6.334.000			20.000.000	1.053.927.952		
3	Trần Thanh Phương	Khu phố Trầu, xã Nhơn Trạch, thành phố Đồng Nai	143,6	-	-	143,6	143,6		152.000.600	185.999.268				16.000.000	353.999.868		
4	Trần Ngọc Đại và Trần Minh Hiếu đồng sử dụng	ấp Hàng Gòn, xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai	71,2	-	-	71,2	71,2		75.365.200	146.712.325				16.000.000	238.077.525		
5	Lê Huỳnh Anh Tuấn	khu phố Phước Hải, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	264,1	-	-	264,1	264,1		301.189.650	1.763.988.756	1.798.700			20.000.000	2.086.977.106		
6	Lê Văn Quý	Khu phố Bình Lâm, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	254,0	-	-	254,0	254,0		268.859.000	340854612				20.000.000	629.713.612		
7	Phạm Tuấn Thế	khu phố Bình Lâm, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	178,0	-	-	178,0	178,0		188.413.000	199.825.296				16.000.000	404.238.296		
8	Phạm Thị Tuyết Oanh	tổ 10, khu phố Văn Hải, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	144,1	-	-	144,1	144,1		152.529.850	163.253.168	1.406.600			16.000.000	333.189.618		
9	Phạm Ngọc Sơn và Nguyễn Thu Hương	58, Nguyễn Huy Tr, phường Tân Đình, Thành phố Hồ Chí Minh	351,8	-	-	351,8	351,8		372.380.300	254.593.195				20.000.000	646.973.495		

STT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Diện tích đất bồi thường (m <sup>2</sup> )						Đất công	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về tài sản khác	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thưởng đi đòi	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
			Phi nông nghiệp			Nông nghiệp											
			Tổng	Đất ở tại đô thị	Tổng	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây hàng năm	Tổng									
10	Trịnh Thị Thu Hà	ấp Hàng Gòn, xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai	131,0	-	131,0	131,0	131,0	131,0	211.973.376	138.663.500				16.000.000	366.636.876		
11	Mai Văn Tuyên	200/41 Phú Thọ Hòa, phường Phú Thọ Hoà, thành phố Hồ Chí Minh	94,9	-	94,9	94,9	94,9	292373280	283.572.150					20.000.000	595.945.430		
12	Đoàn Minh Phương	phường Bình Lợi Trung, thành phố Hồ Chí Minh	188,9	-	188,9	188,9	188,9	326.928.142	199.950.650					20.000.000	546.878.792		
13	Vũ Trọng Thanh	khu phố An Lâm, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	418,1	-	418,1	418,1	418,1	126.577.580	442.558.850					20.000.000	589.136.430		
14	Vũ Thị Đông	73 Đường 769, ấp Bình Lâm, xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai	229,2	-	229,2	229,2	229,2	154.375.150	242.608.200		7.584.400			16.000.000	420.567.750		
15	Ngô Ngọc Quỳnh và Trịnh Thị Hồng Nhung	khu phố Bình Lâm, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	92,6	39,8	52,8	52,8	52,8	227.281.160	489.310.800		817.000			20.000.000	737.408.960		
16	Nguyễn Thị Ái	khu phố Bình Lâm, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	70,6	-	70,6	70,6	70,6	219.779.580	74.730.100					16.000.000	310.509.680		
17	Nguyễn Xuân Thế và Hoàng Thị Bích Liên	153 khu phố Bình Lâm, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	675,4	-	675,4	675,4	675,4	947.062.472	714.910.900		9.114.586			20.000.000	1.691.087.958		

STT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Diện tích đất bồi thường (m <sup>2</sup> )								Đất công	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về tài sản khác	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thương di dời	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
			Phi nông nghiệp				Nông nghiệp												
			Tổng	Tổng	Đất ở tại đô thị	Tổng	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây hàng năm	Đất công	Đất bồi thường, hỗ trợ về đất									
18	Trương Văn Phú và Phạm Thị Phòng	tổ 1, khu phố Hàng Gòn, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	368,7	-	-	368,7	368,7	-	-	-	390.268.950	493.692.184	5.010.300	-	-	20.000.000	908.971.434		
19	Nguyễn Thái Nguyễn	khu phố Hàng Gòn, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	534,1	57,9	57,9	476,2	476,2	-	-	-	1.134.588.700	264.483.200	116.000	-	-	20.000.000	1.419.071.900		
20	Hành Văn Chương	khu phố Hàng Gòn, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	392,2	-	-	392,2	392,2	-	-	-	415.143.700	1.455.069.360	-	-	-	20.000.000	1.890.329.060		
21	Lê Thị Kim Thanh	ấp Hàng Gòn, xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai	384,4	-	-	384,4	384,4	-	-	-	407.310.800	54.799.848	-	-	-	16.000.000	478.110.648		
<b>Tổng</b>			<b>6.136,0</b>	<b>97,7</b>	<b>97,7</b>	<b>6.038,3</b>	<b>6.038,3</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>7.660.677.250</b>	<b>8.769.167.448</b>	<b>35.045.586</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>388.000.000</b>	<b>16.852.890.284</b>		
<b>1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ:</b>																			
<b>2. Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường 3,5%, trong đó:</b>																			
- UBND cấp xã (0,525%)																			
- TP/TPD CNLI (2,975%)																			
<b>Tổng cộng (1+2):</b>																			
																	<b>16.852.890.284</b>		
																	<b>589.851.160</b>		
																	<b>88.477.674</b>		
																	<b>501.373.486</b>		
																	<b>17.442.741.444</b>		